

BÁO CÁO

Kết quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 và nhiệm vụ năm 2025

Thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; UBND tỉnh báo cáo kết quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) năm 2024 và nhiệm vụ năm 2025, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THTK, CLP

1. Công tác tuyên truyền phổ biến, quán triệt, chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về THTK, CLP

Trong năm 2024, tiếp tục đẩy mạnh và làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật THTK, CLP; Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 26/6/2024 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị, Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 13/3/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị, Kế hoạch số 106-KH/BCSD ngày 25/3/2024 của Ban cán sự Đảng thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị, Kế hoạch số 1422/KH-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/2/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên; Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Dự trữ quốc gia; Kho bạc nhà nước; Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị.

Uuu

Mở rộng tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên trang thông tin điện tử của tỉnh và các cơ quan, đơn vị; lồng ghép tuyên truyền thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các hội nghị sơ kết, tổng kết, hội nghị cán bộ công chức của cơ quan. Từ đó nâng cao ý thức, trách nhiệm, nhận thức và hành động của từng đơn vị và mỗi cán bộ, công chức, người lao động, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong THPTK, CLP.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THPTK, CLP

Căn cứ Quyết định số 1764/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2024; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 298a/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024. Căn cứ Chương trình của UBND tỉnh, các cấp, ngành, địa phương, các đơn vị trong tỉnh đã chủ động xây dựng kế hoạch THPTK, CLP năm 2024, trong đó cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, và yêu cầu chống lãng phí của các cấp, ngành, đơn vị mình; xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm cũng như những giải pháp, biện pháp cần thực hiện để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm đã đặt ra. Bên cạnh đó, UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm các quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Đầu tư công; Luật Đấu thầu, Luật ngân sách, Luật đất đai, ... các văn bản hướng dẫn và các quy định về phân cấp quản lý của HĐND và UBND tỉnh. UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho một số sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện rà soát, hoàn thiện cơ chế quản lý, hệ thống văn bản của tỉnh về quản lý, sử dụng ngân sách, vốn, tài nguyên - khoáng sản và tài sản công; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện thu - chi ngân sách nhà nước, quản lý sử dụng tài sản công; quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPTK, CLP

Thực hiện Luật Thanh tra năm 2022, Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch Thanh tra năm 2024, các đơn vị nghiêm túc thực hiện Kế hoạch Thanh tra của UBND tỉnh, trong đó chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra về THPTK, CLP.

Trong năm 2024, toàn ngành thanh tra đã triển khai 276 cuộc thanh tra, trong đó gồm: 63 cuộc thanh tra hành chính, 213 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành. Qua thanh tra, kiểm tra phát hiện sai phạm số tiền 18.283,082 triệu đồng, kiến nghị thu hồi 9.727,5 triệu đồng, xử phạt vi phạm hành chính 8.190,4 triệu đồng, kiến nghị khác 365,182 triệu đồng, kiến nghị xử lý hành chính 61 tổ chức, 294 cá nhân.

Ngoài ra, các cơ quan thanh tra đã triển khai thanh tra trách nhiệm thực hiện Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và Luật Phòng, chống tham nhũng đối với thủ



trưởng các cơ quan, đơn vị. Qua thanh tra đã yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tích cực chủ động thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chấn chỉnh đối với cơ quan, đơn vị chưa thực hiện tốt trách nhiệm hoặc chưa quan tâm đúng mức đến công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng nhằm góp phần thực hiện tốt công tác THTK, CLP.

II. KẾT QUẢ THỰC THTK, CLP TRONG CÁC LĨNH VỰC

1. THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện, định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực UBND tỉnh đã ban hành Chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 tại Quyết định số 298a/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh; trong năm 2024, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành 12 Nghị quyết và ban hành theo thẩm quyền 21 Quyết định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ trên các lĩnh vực (*Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo*).

2. THTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)

Thực hiện Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách năm 2024; Quyết định số 1602/QĐ-BTC ngày 10/12/2023 của Bộ Tài chính về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường tiết kiệm chi ngân sách nhà nước; Căn cứ Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND tỉnh về việc giao nhiệm vụ cho UBND tỉnh thực hiện một số nội dung trong dự toán chi ngân sách năm 2024; UBND tỉnh đã giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, các huyện thị xã, thành phố và các doanh nghiệp tại Quyết định số 3636/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND tỉnh; đã phân khai các nguồn kinh phí, chương trình mục tiêu, phân bổ các khoản chi chung theo đúng các quy định hiện hành. Hạn chế cấp kinh phí ngoài dự toán, đảm bảo nguồn để chi cho các chế độ tăng thêm do Chính phủ quy định. Theo đó, đã xác định và cắt giảm tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2024 tại các cơ quan, địa phương, đơn vị với số tiền 98.419 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách huyện, thành phố, thị xã: 88.203 triệu đồng (huyện Minh Hóa: 8.651 triệu đồng, Tuyên Hóa: 9.077 triệu đồng, Quảng Trạch: 10.634 triệu đồng, Ba Đồn: 11.258 triệu đồng, Bố Trạch: 15.548 triệu đồng, Đồng Hới: 10.450 triệu đồng, Quảng Ninh: 9.435 triệu đồng, Lệ Thủy: 13.150 triệu đồng).

- Khối Đảng, đoàn thể: 632 triệu đồng.

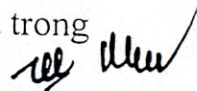
- Khối cơ quan đơn vị đơn vị cấp tỉnh: 9.584 triệu đồng.

Bên cạnh đó, thực hiện Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024;

Công văn số 1600/BTC-HCSN ngày 06/2/2024 của Bộ Tài chính về đề nghị cắt giảm, tiết kiệm 5% chi NSNN năm 2024, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định 2409/QĐ-UBND ngày 22/8/2024 về việc giao kế hoạch tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024, số tiền: 58.140 triệu đồng.

UBND tỉnh tiếp tục quan tâm, chỉ đạo sát sao công tác sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; chỉ đạo rà soát lại phương án tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2024-2025 theo Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ về phương án phân loại tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục được triển khai thực hiện. Đối với các cơ quan hành chính, tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP. Đối với các đơn vị sự nghiệp, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn hướng dẫn trình tự thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Các cơ quan, đơn vị đã thực hiện việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, khai thác tốt các nguồn thu hợp pháp, quản lý chặt chẽ các khoản chi, tự cân đối chi tiêu, mua sắm, sửa chữa trong phạm vi dự toán được giao, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tạo nguồn tiết kiệm để tăng thu nhập cho cán bộ công chức, viên chức và người lao động.

Đối với kinh phí liên quan Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG): Căn cứ Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024, các định mức, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển và hướng dẫn của cá bộ ngành, trung ương, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết số 152/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh về phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới; Nghị quyết số 153/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh về phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững; Nghị quyết số 202/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của HĐND tỉnh về điều chỉnh kế hoạch bố trí vốn đầu tư phát triển năm 2024 và kéo dài thời gian bố trí vốn dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình. Việc bố trí kinh phí thực hiện các CTMTQG tuân thủ các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, đảm bảo nguồn vốn ngân sách được sử dụng có hiệu quả, phân bổ theo nguyên tắc tập trung, định mức cụ thể, rõ ràng, minh bạch theo quy định; phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của các CTMTQG được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh phê duyệt trong



năm, đồng thời có trong kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025. Công tác quản lý, sử dụng kinh phí các CTMTQG đúng mục tiêu, đối tượng, định mức phân bổ, nội dung hỗ trợ đầu tư và tỷ lệ vốn đối ứng của chương trình, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

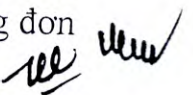
3. THTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước

Quản lý chặt chẽ việc mua sắm, sử dụng tài sản tại các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; khai thác có hiệu quả trang thiết bị, phương tiện làm việc, không sử dụng xe ô tô, tài sản công vào việc riêng. Công tác thanh lý, điều chuyển tài sản công được đảm bảo, thực hiện theo đúng quy định. Công tác báo cáo đăng ký kê khai và công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được các cơ quan, đơn vị quan tâm thực hiện theo đúng quy định.

Trong năm 2024, không có trường hợp sử dụng tài sản công (ô tô, nhà, đất,...) sử dụng vào việc riêng. Thực hiện tiết kiệm chống lãng phí qua việc giảm thiểu tối đa tiết kiệm trong việc sử dụng văn phòng phẩm, xăng xe, điện, nước sinh hoạt. Trình tự, thủ tục mua sắm, sửa chữa, nghiệm thu, thanh toán khi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị được thực hiện theo quy định của pháp luật. Thực hiện nghiêm túc Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về ban hành Quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Thực hiện Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô, UBND tỉnh đã ban hành 02 quyết định quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 2767/QĐ-UBND ngày 01/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc số lượng, chủng loại, phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình).

Từ ngày 01/01/2024 đến nay, trên cơ sở đề nghị của các đơn vị, hiện trạng thực tế xe ô tô và tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của từng đơn vị, UBND tỉnh đã phê duyệt quyết định xử lý theo hình thức thanh lý 45 xe ô tô đủ điều kiện thanh lý theo quy định; theo hình thức điều chuyển từ đơn vị thừa sang đơn



vị thiếu 15 xe ô tô. Đồng thời, UBND tỉnh đã trang bị 14 xe ô tô (sau khi có ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh) đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương có nhu cầu cấp thiết phục vụ công tác đảm bảo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP, Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND, Quyết định số 2767/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

4. THTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng

Việc triển khai thực hiện và quản lý vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh đảm bảo chặt chẽ và hiệu quả, UBND tỉnh giao vốn sớm từ đầu năm để các chủ đầu tư chủ động triển khai thực hiện, việc bố trí vốn đảm bảo các tiêu chí, định mức phân bổ theo quy định; tập trung bố trí các công trình hoàn thành, quyết toán; bố trí cho các công trình chuyển tiếp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện; ưu tiên các công trình cấp bách, công trình trọng điểm có ý nghĩa tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Việc lập, thẩm định và phân bổ vốn đầu tư được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, khớp đúng tổng mức đầu tư, cơ cấu vốn, không phê duyệt chủ trương đầu tư khi chưa cân đối được nguồn vốn. Cấp nào phê duyệt chủ trương đầu tư, cấp đó chịu trách nhiệm cân đối đủ vốn để triển khai thực hiện. Các dự án được thực hiện đầu tư phù hợp quy hoạch tỉnh và quy hoạch ngành đã được phê duyệt; tuân thủ các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Quy trình thủ tục thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư đảm bảo theo các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng. Trong năm 2024, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công nguồn vốn tỉnh quản lý gồm 32 dự án với tổng mức đầu tư 637.500 triệu đồng trên nhiều lĩnh vực; UBND tỉnh đã phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi 61 dự án trên cơ sở kết quả thẩm định của các Sở chuyên ngành.

Năm 2024, Sở Tài chính thực hiện việc thẩm định, quyết toán công trình đầu tư hoàn thành trên cơ sở định mức, chính sách, chế độ nhà nước quy định, kết quả cụ thể:

- Tổng số dự án, công trình quyết toán: 155 công trình;
- Tổng kinh phí đề nghị quyết toán: 1.867.086 triệu đồng;
- Tổng kinh phí chấp nhận quyết toán: 1.865.426 triệu đồng;
- Tiết kiệm cho ngân sách: 1.660 triệu đồng.

Nguyên nhân do các chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán công trình, dự án không đúng khối lượng, áp dụng sai định mức, đơn giá và một số chính sách chế độ khác.

Công tác quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc ngày càng chặt chẽ,

Handwritten signature

đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm và hiệu quả của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và các doanh nghiệp có vốn Nhà nước. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội, UBND tỉnh đã thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương thuộc phạm vi đối tượng sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, đã phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý 01 cơ sở nhà, đất; điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý 17 cơ sở nhà, đất trên địa bàn theo quy định.

5. THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên

Trong năm 2024, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo cơ quan chuyên môn, các địa phương và cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong các lĩnh vực quản lý đất đai, đo đạc bản đồ, nước, khí tượng thủy văn, bảo vệ môi trường, tài nguyên rừng, biển và hải đảo, tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo hướng tiết kiệm, sử dụng hiệu quả, cụ thể:

a) Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước:

Tiếp tục tuân thủ các nguyên tắc, quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13. Việc quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với các công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh về đã tuân thủ nguyên tắc theo quy định, đảm bảo việc quản lý tài nguyên nước thống nhất theo lưu vực sông, theo nguồn nước, kết hợp với quản lý theo địa bàn hành chính; tuân theo chiến lược, quy hoạch tài nguyên nước và quy hoạch khác có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; Khai thác, sử dụng tài nguyên nước tiết kiệm, an toàn, có hiệu quả; bảo đảm sử dụng tổng hợp, đa mục tiêu, công bằng, hợp lý, hài hòa lợi ích, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các tổ chức, cá nhân; đảm bảo kết hợp hài hòa lợi ích của cả nước, các vùng, ngành; kết hợp giữa khoa học, công nghệ hiện đại với kinh nghiệm truyền thống của nhân dân và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội.

Trong năm tiếp tục chỉ đạo kiểm tra, rà soát, đề xuất chuyển đổi mô hình quản lý công trình cấp nước phù hợp, hiệu quả theo Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ; đã chỉ đạo các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng hợp lý nguồn nước để phục vụ hiệu quả cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi, sinh hoạt, xây dựng các công trình thủy lợi, khôi phục nguồn nước bị suy thoái cạn kiệt để bảo vệ nguồn tài nguyên nước; xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch điều tiết nước hồ chứa; điều hoà, phân phối nước của công trình thủy lợi trong trường hợp xảy ra hạn hán, ưu tiên nước cho sinh hoạt; triển khai Chương trình nước sạch, hợp vệ sinh cho nông thôn; ban hành văn bản số 599/UBND-KT ngày 09/4/2024 chỉ đạo triển khai thực hiện Quyết định số 145/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của

Handwritten signature and initials.

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch, chính sách và giải pháp thực hiện Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; triển khai thực hiện Chỉ thị số 2592/CT-BNN-TL ngày 10/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, đề điều trong mùa mưa, lũ năm 2024.

b) Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên biển:

Tiếp tục thực hiện tuân thủ các nguyên tắc, các quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo; đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn ngư dân, các chủ tàu cá tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật trong khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản như công văn tăng cường chỉ đạo các ngành; tăng cường kiểm tra, hướng dẫn quy trình xử lý ao hồ và chỉ đạo sản xuất, dịch vụ giống thủy sản đảm bảo số lượng, chất lượng. Dự ước tổng sản lượng thủy sản cả năm ước đạt 99.517 tấn, tăng 2,5% cùng kỳ năm trước.

Tình hình khai thác thủy sản trong năm 2024 duy trì ổn định, thời tiết thuận lợi, nhu cầu tiêu thụ, giá các mặt hàng thủy sản tăng. Công tác quản lý tàu cá tiếp tục được tăng cường, đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động khai thác, dịch vụ thủy sản trên biển. Mục tiêu phát triển thủy sản bền vững nhằm THPT, CLP trong việc quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo luôn được quan tâm chú trọng, việc quản lý khai thác thủy sản được đẩy mạnh, nhằm ngăn chặn tàu cá hoạt động khai thác bất hợp pháp, hoạt động các nghề cấm, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất khai thác xa bờ giúp người dân nâng cao hiệu quả khai thác; tiêu thụ sản phẩm thủy sản ngay trên biển, thông qua tàu dịch vụ hậu cần tiết kiệm chi phí chuyển biển; làm hầm bảo quản bằng các vật liệu mới...để bảo quản tốt sản phẩm khi khai thác dài ngày nhằm giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch, an toàn thực phẩm, nâng cao giá thành sản phẩm, ổn định thu nhập. Đồng thời, các chính sách hỗ trợ chuyển đổi sinh kế, nghề nghiệp cho ngư dân cũng được quan tâm giảm thiểu cường lực khai thác trên các vùng biển, quản lý chặt số lượng tàu cá, nhằm duy trì và phát triển nguồn lợi thủy sản.

c) Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên rừng:

Việc khai thác, sử dụng tài nguyên rừng đều tuân thủ các quy định của Luật Lâm nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Thực hiện tốt quy hoạch loại rừng, quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng; kiểm tra, thống kê theo dõi diễn biến rừng hàng năm; tăng cường kiểm soát, quản lý chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng và thực hiện tốt việc trồng rừng thay thế theo quy định; Thực hiện công tác giao rừng, cho thuê rừng thống nhất, đồng bộ với giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đối tượng để sử dụng lâu dài vào mục đích lâm nghiệp. Công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, phát triển rừng được thực hiện tốt, diện tích rừng tự nhiên cơ bản được giữ ổn định, diện tích rừng trồng ngày càng tăng, tỉ lệ che phủ rừng giữ ổn định. Rừng trồng sản xuất được khai thác, sử dụng hợp lý, phát triển bền vững, năng suất và chất lượng rừng trồng ngày càng được cải thiện, tận dụng

lll ll

được lợi thế về đất đai hiện có. Đẩy mạnh khai thác gỗ rừng trồng, sản lượng khai thác đến nay đạt 604.864 m³, đạt vượt 21% KH, tăng 26 % so với cùng kỳ năm trước. Thực hiện tốt chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên, rừng trồng được khai thác, sử dụng có hiệu quả.

Trong năm 2024, các đơn vị, địa phương thực hiện các biện pháp bảo vệ và phát triển rừng đúng quy định, thực hiện chăm sóc rừng trồng 27.612 ha, đạt 100% kế hoạch; khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng với diện tích 388.853 ha, đạt 100% kế hoạch. Đẩy mạnh khai thác gỗ rừng trồng, sản lượng đến nay đạt 604.864 m³, vượt 21% KH, tăng 26% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp tục triển khai kế hoạch trồng 10,1 triệu cây xanh giai đoạn 2021-2025 (kế hoạch năm 2024: trồng 2.155 triệu cây, dự kiến đến hết năm trồng được 1.974 triệu cây). Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp xây dựng vùng nguyên liệu theo hướng liên kết với người trồng rừng, thành lập các hợp tác xã, nhóm hộ trồng rừng gắn với quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng FSC, trong năm có thêm 4.502 ha rừng trồng được cấp chứng chỉ FSC, nâng diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ FSC toàn tỉnh lên đến 8.256 ha, tăng 31% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp tục quản lý, bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên hiện có; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác rừng trồng đúng thủ tục, trình tự theo quy định của pháp luật. Nhờ thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, phát triển rừng nên diện tích rừng tự nhiên cơ bản được giữ ổn định, diện tích rừng trồng ngày càng tăng, độ che phủ rừng ổn định 68,7%. Rừng trồng sản xuất được khai thác, sử dụng hợp lý, phát triển bền vững, năng suất và chất lượng rừng trồng ngày càng được cải thiện, tận dụng được lợi thế về đất đai hiện có.

d) Trong quản lý, sử dụng đất đai:

Công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh được thực hiện tương đối chặt chẽ theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nên đã từng bước tháo gỡ những vướng mắc trong công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng; thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các ngành, địa phương giải quyết kịp thời những vướng mắc, tranh chấp, khiếu nại đất đai của các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi được thực hiện đúng theo quy định không gây lãng phí cho ngân sách nhà nước.

UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện, thành phố, thị xã; chỉ đạo triển khai lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện; điều chỉnh vị trí, địa điểm công trình đã quy hoạch trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Quảng Trạch, huyện Bố Trạch, huyện Minh Hóa, huyện Tuyên Hóa; Đôn đốc hoàn thiện Hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2025 theo phương án Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025.

Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương giải quyết những khó khăn vướng mắc về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 -

se *lluu*

2025, Dự án Đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu đoạn qua huyện Quảng Trạch), Dự án “*Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng - giai đoạn 2*” - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình) và Dự án Xây dựng Nhà ga hành khách T2 và mở rộng sân đỗ máy bay - Cảng hàng không Đồng Hới; Hệ thống cung cấp nước ngọt cho Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I thuộc Trung tâm điện lực Quảng Trạch; Hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế Hòn La tại xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch;...

Đẩy nhanh tiến độ xác định giá đất cụ thể các dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị trên địa bàn tỉnh. Trong năm đã trình Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể và phê duyệt giá đất cụ thể đối với 07 dự án; thu hồi đất để đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất thực hiện 01 Dự án đầu tư; phê duyệt phương án và phê duyệt Quyết định đấu giá quyền sử dụng đất 08 dự án; xét duyệt điều kiện tham gia đấu giá quyền sử dụng đất để thuê đất đối với 07 dự án và yêu cầu 01 đơn vị khẩn trương đầu tư, hoàn thành dự án đưa vào hoạt động theo tiến độ đầu tư.

Tiếp nhận, xử lý 115 hồ sơ giao đất, diện tích 191,89 ha; 55 hồ sơ cho thuê đất, diện tích 205,63 ha; 10 hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất, diện tích 6,42 ha; 20 hồ sơ thu hồi đất, diện tích 73,24 ha; thực hiện cấp lần đầu 363 giấy chứng nhận cho tổ chức (76,18 ha) và 501 giấy chứng nhận cho hộ gia đình (21,20 ha); cấp đổi, cấp lại (kể cả cấp do chia tách, hợp thửa hoặc thực hiện các quyền) 253 giấy chứng nhận cho tổ chức (52.178,58 ha) và 22.497 giấy cho hộ gia đình (875,80 ha). Tiếp nhận và giải quyết 102.077 hồ sơ Đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký biến động đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và đăng ký giao dịch bảo đảm. Quản lý, theo dõi, kiểm tra thường xuyên việc cập nhật chỉnh lý hồ sơ địa chính tại Chi nhánh và trên hệ thống bản đồ địa chính dùng chung, cơ sở dữ liệu đất đai; Cập nhật, chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính được 60.000 trường hợp.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tạo quỹ đất với 03 dự án và quản lý quỹ đất sau khi thu hồi đối với 30 khu đất (866.135m²). Đẩy mạnh công tác tạo quỹ đất và quản lý quỹ đất sau khi thu hồi và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, số tiền thu được từ đầu năm đến nay 4.503 triệu đồng.

đ) Trong quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản:

Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động khai thác khoáng sản, kiên quyết xử lý những bên vi phạm sai quy định. Triển khai thực hiện quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản đúng trình tự quy trình, thủ tục; đồng thời thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, công nghệ trong khai thác mỏ và chế biến khoáng sản của các đơn vị khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh với mục tiêu đạt được hiệu quả cao nhất, tránh lãng phí tài nguyên thiên nhiên.

Trong năm đã tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Quảng Bình thời kỳ cuối giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến 2025; hoàn thành công tác quy hoạch khoáng sản tỉnh Quảng Bình giai



đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được tích hợp vào trong quy hoạch tỉnh và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐTTg ngày 12/4/2024; hoàn thành tổng hợp số liệu báo cáo kiểm kê sản lượng khoáng sản năm 2023 và cập nhật thông tin, số liệu báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản năm 2023 của các tổ chức cá nhân hoạt động khoáng sản; ban hành 21 giấy phép, Quyết định hoạt động khoáng sản (gồm: 03 Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình; 01 Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản, 05 Giấy phép chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, 07 Giấy phép gia hạn khai thác khoáng sản, 03 Quyết định 4 đóng cửa mỏ khoáng sản, 02 Quyết định phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản); 06 Quyết định phê duyệt, điều chỉnh, thay đổi tổ chức nộp tiền, hủy tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Rà soát, báo cáo về các mỏ vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh để cung cấp cho các đơn vị thực hiện dự án cao tốc Bắc - Nam, đoạn đi qua tỉnh Quảng Bình; hoàn thành tổng hợp số liệu báo cáo kiểm kê sản lượng khoáng sản năm 2023 và cập nhật thông tin, số liệu báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản năm 2023 của các tổ chức cá nhân hoạt động khoáng sản.

e) Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên tái chế và năng lượng tái tạo:

Thường xuyên theo dõi, chỉ đạo các dự án nguồn điện năng lượng tái tạo hiện có phát huy hiệu quả (Dự án Cụm trang trại điện gió B&T, công suất 252 MW; Nhà máy điện mặt trời DOHA- Lệ Thủy, công suất 49,5MWp; chỉ đạo, phối hợp thực hiện giải quyết các vướng mắc các dự án đang đầu tư (thủy điện La Trống, công suất 22MW; dự án hợp phần phát điện của Nhà máy xử lý rác thải và phân bón khoáng hữu cơ công suất 5,4MW) đẩy nhanh tiến độ sớm đưa vào vận hành theo kế hoạch tiến độ. Ngoài ra, còn có 472 hệ thống điện mặt trời mái nhà được đầu tư trên 7 các mái nhà công nghiệp, dân dụng có tổng công suất 45,696MWp đã được hợp đồng mua bán điện trước ngày 31/12/2020. Sản xuất điện từ rác thải: Dự án Hợp phần phát điện của Nhà máy xử lý rác thải và phân bón khoáng hữu cơ công suất 5,4MW, tổng mức đầu tư 295 tỷ đồng. Hiện nay dự án đang tiến hành đầu tư thi công.

Các dự án nguồn điện đưa vào kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 (Quy hoạch điện VIII) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023; Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 và đã tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

6. THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

Thực hiện tinh giản biên chế theo Kế hoạch số 613/KH-UBND ngày 05/4/2023 về việc quản lý, sử dụng, tinh giản biên chế khối chính quyền giai

Ulu

đoạn 2022-2026, việc tuyển dụng, quản lý lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước, các cấp, các ngành, cơ quan, tổ chức đã thực hiện nghiêm túc, các yêu cầu về công khai minh bạch và công bằng, tình trạng tuyển dụng biên chế hoặc hợp đồng dài hạn đối với những công việc có thể áp dụng hình thức hợp đồng thuê khoán đã được hạn chế.

Thực hiện Chỉ thị số 26/2016/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu quả thời giờ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; việc quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động được tổ chức phù hợp, khoa học, gắn với cải cách hành chính, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc, đảm bảo hiệu quả công việc của công chức, viên chức và người lao động; nâng cao ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức tác phong, xây dựng lề lối làm việc khoa học, hiệu quả.

Cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được đẩy mạnh theo hướng tập trung vào cải cách thủ tục hành chính và xác định đây là khâu quan trọng nhằm đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ, đơn giản và minh bạch của thủ tục hành chính; tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tiếp cận và thực hiện thủ tục hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; góp phần THPT, CLP cả về kinh tế và biên chế của cơ quan quản lý nhà nước và thời gian, chi phí xã hội.

7. THPT, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước

Tỉnh Quảng Bình có 04 doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; 05 doanh nghiệp có vốn nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; trong đó 04 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp; 03 doanh nghiệp chủ yếu hoạt động dịch vụ công ích, 01 doanh nghiệp Xây dựng kiến thiết và 01 Công ty Cấp nước sinh hoạt.

Trong năm 2024 (9 tháng đầu năm 2024), 04 doanh nghiệp 100% vốn điều lệ và 05 doanh nghiệp vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh với số tiền: 2.165 triệu đồng, đạt 88,08% so với kế hoạch, cụ thể:

- Tiết kiệm chi phí sản xuất: 1.152 triệu đồng;
- Tiết kiệm chi phí quản lý: 1.013 triệu đồng.

Các doanh nghiệp tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi phí, nâng cao, đổi mới công nghệ, thực hiện triệt để THPT, CLP trong sử dụng nguồn vốn NSNN, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của chủ sở hữu, đảm bảo chế độ chính sách của người lao động trong đơn vị.

8. THPT, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân

Tỉnh ủy, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, ban ngành, địa phương đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến sâu rộng trong quần chúng nhân dân, cán bộ,

100% như

công chức, viên chức về ý thức THTK, CLP trong sản xuất và tiêu dùng, tạo mọi điều kiện cho các hộ gia đình, cá nhân đầu tư và phát triển.

Hoạt động lễ hội năm 2024 được tổ chức cơ bản theo đúng quy định, bảo đảm an toàn, tiết kiệm, tạo không khí phấn khởi, mang đậm nét văn hóa truyền thống, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa lành mạnh. Tổ chức các hoạt động thể thao ở cơ sở theo hướng tập trung, không dàn trải ... để tiết kiệm chi phí, thời gian, tiền của, công sức của nhân dân nhưng vẫn đảm bảo không khí vui tươi, phấn khởi.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá kết quả đạt được

Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác THTK, CLP gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 để triển khai thực hiện. UBND tỉnh đã chủ động trình HĐND tỉnh ban hành nhiều văn bản quy định về tiêu chuẩn, định mức để triển khai thực hiện thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh; trình HĐND tỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo theo cơ chế phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ ngân sách, trong đó triệt kiệm ngay từ khâu phân bổ dự toán. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường kiểm soát chặt chẽ việc chi tiêu công, tiếp khách, tổ chức hội nghị,...; thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công, trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại đúng tiêu chuẩn, quản lý sử dụng ngân sách đúng mục đích.

Trên cơ sở thực hiện tốt các cơ chế quản lý tài chính, đặc biệt là thực hiện quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong cơ quan; xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cụ thể rõ ràng, công khai các định mức, tiêu chuẩn chế độ chi tiêu trong các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức giám sát, xây dựng phương án chi trả thu thập; thực hiện tốt công tác công khai tài chính, góp phần cải tiến lề lối làm việc và cải cách hành chính; việc tinh giản biên chế theo kế hoạch, giảm đầu mối các phòng chuyên môn trực thuộc sở, các đơn vị sự nghiệp công lập và các đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện.

Về lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng, tăng cường công tác thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán, hồ sơ thẩm định quyết toán, công tác đấu thầu trong xây dựng cơ bản; kiểm soát chặt chẽ đối với công tác tổ chức đấu thầu, thẩm định kết quả đấu thầu, chào hàng cạnh tranh đối với các dự án sử dụng ngân sách nhà nước; thực hiện nghiêm túc quy trình thẩm tra hồ sơ quyết toán các công trình hoàn thành.

Thực hiện tốt việc sử dụng đất, cho các tổ chức, cá nhân thuê, giao khoán rừng, khai thác trồng rừng, liên doanh liên kết góp phần bảo vệ rừng; quản lý chặt chẽ việc khai thác khoáng sản hạn chế tối đa việc cấp phép mới; quản lý

thư

chặt chẽ đất đai, tránh lãng phí trong sử dụng. Đồng thời, góp phần tăng thu ngân sách nhà nước.

Các doanh nghiệp doanh nghiệp nhà nước đã nâng cao hiệu quả công tác quản lý, mở rộng mạng lưới kinh doanh. Từ đó, các doanh nghiệp bảo toàn được vốn nhà nước và tiếp tục phát triển kinh doanh có hiệu quả mang lại doanh thu. Trong công tác THTK, CLP sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp đã góp phần đáng kể trong việc phấn đấu nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần tăng thu ngân sách nhà nước.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai THTK, CLP trên địa bàn tỉnh thời gian qua vẫn còn một số tồn tại, hạn chế:

- Việc xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của một số đơn vị còn chậm, nội dung còn chung chung, chưa xây dựng chỉ tiêu kế hoạch tiết kiệm cụ thể, chưa xác định được các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm cần tập trung chỉ đạo tiết kiệm, chưa bám sát vào đặc thù của từng đơn vị để đặt ra chương trình hành động thiết thực; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu của một số cơ quan, đơn vị trong công tác tự kiểm tra chưa được phát huy.

- Việc phát hiện các vụ việc lãng phí trong quá trình tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, đơn vị vẫn còn hạn chế; hầu hết các vụ lãng phí, sử dụng ngân sách chưa đúng quy định, định mức, ... được phát hiện là do quá trình kiểm toán nhà nước, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan có chức năng.

- Việc giải ngân vốn đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra, có phần do nguyên nhân chủ quan của các cấp, các ngành trong chỉ đạo, điều hành ở các khâu, nhất là giải phóng mặt bằng.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về THTK, CLP và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến THTK, CLP với các hình thức đa dạng nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của công tác THTK, CLP đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân và toàn xã hội.

2. Chú trọng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, nâng cao chất lượng công tác thẩm định, góp ý các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, nhất là các văn bản liên quan đến thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thường xuyên tự kiểm tra và kiểm tra theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để kịp thời phát hiện, xử lý những văn bản có nội dung không phù hợp với chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Tăng cường công tác quản lý, điều hành ngân sách, doanh nghiệp: Tăng cường hướng dẫn về điều hành ngân sách cho các ngành, đơn vị, địa phương; tiếp tục thực hiện có hiệu quả chế độ tự chịu trách nhiệm về kinh phí đối với các đơn vị quản lý nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày

Nguyễn Văn...

17/10/2005, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một điều Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện dự toán thu, chi ngân sách đảm bảo cân đối đủ nguồn lực thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định; rà soát, quản lý chặt chẽ để giảm mạnh các khoản chi chuyển nguồn, chỉ thực hiện chuyển nguồn đối với một số khoản chi còn nhiệm vụ và thật sự cần thiết theo đúng quy định của pháp luật.

4. Thực hiện bố trí, bổ trí lại trụ sở làm việc, phương tiện theo định mức, tiêu chuẩn, chế độ; thực hiện THTK, CLP trong mua sắm tài sản nhà nước tại các đơn vị thụ hưởng ngân sách các cấp; giám sát các DNNN trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng tiết kiệm chi phí, tối đa hóa lợi nhuận, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; tiếp tục thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp theo kế hoạch đã được phê duyệt và chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập theo kế hoạch.

5. Trong quản lý đầu tư XDCCB từ khâu chuẩn bị đến hoàn thành, nghiệm thu thanh quyết toán công trình; thực hiện xuất toán các khoản chi sai quy định, xử lý nghiêm các sai phạm, hạn chế lãng phí vốn đầu tư NSNN. Định kỳ xây dựng và ban hành đơn giá vật liệu xây dựng làm cơ sở lập dự toán XDCCB đầu tư công theo hướng tiết kiệm, giảm chi ngân sách.

6. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện nghiêm túc việc kê khai tài sản; công khai, minh bạch trong sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính được giao theo quy định, trong đó chú trọng vào quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên, trong quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, trong mua sắm, sửa chữa, quản lý, sử dụng tài sản công.

7. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra nhằm phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh các sai phạm trong quản lý, sử dụng ngân sách còn lãng phí, không đúng chế độ chính sách, định mức, tiêu chuẩn; lồng ghép kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực liên quan đến thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng, tiêu cực; công khai kết quả thanh tra, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Luật THTK, CLP năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Phong Phú

Phụ lục số 01**CÔNG TÁC THAM MUU BAN HÀNH CHẾ ĐỘ, ĐỊNH MỨC****1. Nghị Quyết HĐND tỉnh ban hành**

1.1. Nghị quyết số 67/2024/NQ-HĐND ngày 06/02/2024 của HĐND tỉnh quy định về học phí học kỳ II năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

1.2. Nghị quyết số 68/2024/NQ-HĐND ngày 20/3/2024 của HĐND tỉnh quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ BHYT trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước do tỉnh Quảng Bình quản lý;

1.3. Nghị quyết số 69/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND tỉnh quy định một số nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

1.4. Nghị quyết số 70/2024/NQ-HĐND ngày 20/6/2024 của HĐND tỉnh quy định tiêu chí thành lập, số lượng thành viên, mức hỗ trợ, bồi dưỡng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

1.5. Nghị quyết số 72/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã và viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thôi việc do dôi dư khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

1.6. Nghị quyết số 74/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh quy định về học phí từ năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

1.7. Nghị quyết số 203/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 204/2024/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của HĐND tỉnh điều chỉnh dự toán chi thường xuyên năm 2024 (bao gồm dự toán chi thường xuyên năm 2023 đã được chuyển sang năm 2024) và điều chỉnh kinh phí còn lại sau quyết toán năm 2023 của các Chương trình mục tiêu quốc gia;

1.8. Nghị quyết số 205/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của HĐND tỉnh cho ý kiến về tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

1.9. Nghị quyết số 75/2024/HĐND ngày 25/10/2024 của HĐND tỉnh ban hành Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

1.10. Nghị quyết số 76/2024/HĐND ngày 25/10/2024 của HĐND tỉnh bãi bỏ Nghị quyết số 42/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

1.11. Nghị quyết số 77/2024/HĐND ngày 25/10/2024 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với nhân viên y tế thôn, bản; Cô đỡ thôn, bản trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Quyết định UBND tỉnh ban hành

2.1. Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của UBND tỉnh bãi bỏ Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 của UBND tỉnh quy định nội dung và mức hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

2.2. Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về phân cấp thẩm quyền quyết định cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

2.3. Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 04/3/2024 của UBND tỉnh Quy định nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Bình;

2.4. Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 12/3/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

2.5. Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 01/4/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phát triển, quản lý và khai thác chợ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của UBND tỉnh;

2.6. Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 của UBND tỉnh ban hành đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

2.7. Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 của UBND tỉnh quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình;

2.8. Quyết định 25/2024/QĐ-UBND ngày 22/10/2024 của UBND tỉnh quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

2.9. Quyết định 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

2.10. Quyết định 27/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

2.11. Quyết định 37/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh

quy định mức bồi thường khi nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

2.13. Quyết định 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

2.14. Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý và sử dụng các Quỹ quay vòng vốn thuộc Dự án Hỗ trợ kỹ thuật vùng (RETA) đẩy mạnh sáng kiến giảm thiểu biến đổi khí hậu vì lợi ích phụ nữ thành phố Đồng Hới (Dự án ADB) và Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Đồng Hới (Dự án WB) Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh;

2.15. Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 của UBND tỉnh quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại một số cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình;

2.16. Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ một phần Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

2.17. Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 06/12/2023 của UBND tỉnh quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

2.18. Quyết định số 42/2023/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 của UBND tỉnh quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại một số cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình;

2.19. Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND ngày 21/12/2024 của UBND tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

2.20. Quyết định số 44/2023/QĐ-UBND ngày 22/12/2024 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024 đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

2.21. Quyết định số 46/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2024 của UBND tỉnh quy định Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình.